

## PHỤ LỤC

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
<b>A. PHỤ ĐIỆN CÁC LOẠI</b>					
<b>I</b>	<b>Kho Văn phòng Công ty</b>				
1	2.71.00.000.000.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,80
2	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35.858,90
3	2.44.35.000.000.00.D10	Inox các loại	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	0,30
4	3.02.20.119.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m (phần ngon)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
5	3.02.20.903.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
6	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
7	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
8	3.20.45.169.CHN.00.B10	Vòng treo đầu tròn (Socket clevis)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
9	3.20.50.104.VIE.00.B10	Gốc trụ BTLT 8m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
10	3.20.50.955.000.00.D10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
11	3.20.60.797.CHN.00.B10	KHÓA ĐỖ DÂY	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
12	3.20.65.123.000.00.B10	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	67,00
13	3.20.65.724.000.00.B10	Tạ chống rung dây dẫn ACSR 185	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	192,00
14	3.20.65.950.CHN.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
15	3.30.20.010.VIE.00.B10	CẦU CHỈ ỐNG 24KV 10A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
16	3.30.20.061.GER.00.B10	Chi ống LBS tủ hợp bộ 22kV-10A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
17	3.42.80.018.USA.00.B10	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
18	3.42.90.010.000.00.B10	Chống Sét Van (LA) 110kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
19	3.42.95.080.000.00.B10	BỘ ĐẾM SÉT	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
20	3.46.05.006.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 6A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00

21	3.46.10.016.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 16A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
22	3.53.12.310.000.00.B10	TI 24kV, 300-600/1-1A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
23	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00
24	3.66.77.011.VIE.00.B10	Chóa đèn + đuôi đèn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
25	4.84.14.006.000.00.B10	Tay đẩy thủy lực giữ cửa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
26	4.94.70.212.VIE.00.B10	Tủ sắt các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
27	4.94.70.214.000.00.D10	Cửa khung nhôm kính	M2	Hàng đề nghị thanh lý	24,00
28	4.94.70.996.VIE.00.B10	Cửa khung nhôm kính	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
29	5.01.64.001.000.00.B10	Vòng bi	Vòng	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
30	8.32.92.034.000.00.B10	Máy bơm nước hòa tiền 1,5HP-220VAC	Máy	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
31	8.32.92.087.VIE.00.B10	Máy bơm nước 1HP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
32	8.32.92.090.VIE.00.B10	Máy bơm nước 1,5HP-220VAC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
33	8.35.85.017.VIE.00.D10	Bộ chữ meca	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
34	8.40.30.006.VIE.00.B10	Chuông báo cháy	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
35	8.40.60.003.000.00.B10	Cao su phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,30
36	8.75.80.003.000.00.B10	Đồng hồ nhiệt độ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
37	8.75.90.026.ROU.00.B10	Bộ dây đo máy tiếp địa	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
38	8.90.90.066.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
39	8.90.90.075.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MT5	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
40	8.90.90.083.VIE.00.B10	Dây MT5 gắn PCCC	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
41	8.90.90.090.VIE.00.B10	Đầu cảm biến khói	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
42	8.90.90.104.000.00.B10	Tủ báo cháy trung tâm Networ 10 zone	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
43	8.92.15.346.VIE.00.B10	Bảng thông tin 800x1200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
44	3.06.20.720.VIE.00.000	Đà giăng L75x8x2000	Cái	Hàng mới	1,00

II	Điện lực Biên Hòa				
1	3.06.30.101.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U100-400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
2	3.06.30.108.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U100-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
3	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
4	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
5	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
6	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
7	3.62.95.068.VIE.00.B10	Thùng trạm 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
8	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
9	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
10	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
11	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
12	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	704,00
13	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
14	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
15	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
16	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
17	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	85,00
18	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	149,00
19	3.20.24.001.VIE.00.B10	Kẹp quai 25-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
20	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
21	3.30.22.457.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
22	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
23	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	186,00

24	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
25	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
26	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
27	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	247,00
28	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
29	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00
30	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,00
31	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00
32	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
33	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
34	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
35	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
36	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
37	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
38	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
39	3.53.05.329.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
40	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
41	3.53.12.771.USA.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
42	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
43	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
44	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
45	4.38.00.030.VIE.00.B10	Bu lông 12x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	79,00
46	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
47	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00

48	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
49	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
50	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00
52	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
53	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
54	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
55	4.90.31.046.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
56	8.34.84.002.VIE.00.B10	Thang nhôm xếp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
57	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quàng trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
58	8.90.20.023.VIE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
59	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phé liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,50
60	5.50.10.709.VIE.00.B10	Contactơ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
<b>III</b>	<b>Điện lực Biên Hòa 2</b>				
1	3.02.20.008.VIE.00.B10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
2	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	9,00
3	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
4	3.02.20.871.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (6 - 7 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	8,00
5	3.02.20.883.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
6	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5 - 6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
7	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
8	3.02.20.924.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 6 - 7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
9	3.06.20.690.VIE.00.B10	Đà sắt L75 - 3200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
10	3.06.20.701.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8 - 2000MM (03 ốp) lệch 2/3 (mặt A)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00

11	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
12	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	9,00
13	3.06.20.724.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
14	3.06.20.776.VIE.00.B10	Đà Sắt L70- 1660mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
15	3.06.20.854.VIE.00.B10	Đà sắt L75-1200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
16	3.06.30.004.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
17	3.06.30.728.VIE.00.B10	Đà sắt V75x8x2600mm (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
18	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
19	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50 - 810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	18,00
20	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
21	3.06.40.778.VIE.00.B10	Thanh chống L75x75x8-920mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
22	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	824,08
23	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kể phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	88,40
24	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
25	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	21,00
26	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	114,00
27	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	47,00
28	3.06.60.948.VIE.00.B10	Giá lắp chữ T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
29	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	50,00
30	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1.451,00
31	3.20.22.300.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	15,00
32	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	107,00
33	3.20.22.437.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x25mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	12,00
34	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV - ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	17,00

35	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cấp LV - ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	143,00
36	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cấp LV - ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	53,00
37	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cấp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	87,00
38	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cấp LV - ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	25,00
39	3.20.23.470.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cấp LV - ABC tự treo 4X70 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	55,00
40	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cấp LV - ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	112,00
41	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
42	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	241,00
43	3.20.70.300.VIE.00.B10	Máng che dây chằng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
44	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
45	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kv 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
46	3.38.95.003.VIE.00.B10	CẦU DAO HẠ THỂ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	53,00
47	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	8,00
48	3.46.00.010.VIE.00.B10	HT Tủ Tủ Bù Hạ THỂ (hư hỏng)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
49	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	444,00
50	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00
51	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	308,00
52	3.46.10.034.VIE.00.B10	CB Tép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	387,00
53	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	12,00
54	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
55	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	14,00
56	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	17,00
57	3.46.14.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
58	3.46.14.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00

59	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
60	3.46.15.400.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
61	3.46.15.630.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
62	3.46.15.630.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
63	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00
64	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,00
65	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	7,00
66	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
67	3.56.60.225.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V 15VA CCX0,5 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
68	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	131,00
69	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20 - 80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
70	3.60.90.037.VIE.00.B10	Thùng điện kế 2 ngăn trạm treo hạ thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
71	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
72	3.64.14.010.ITA.00.B10	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V - 10kVar	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	12,00
73	3.64.14.021.000.00.B10	Bộ tụ bù hạ thế 20KVAR ngoài trời	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00
74	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
75	4.70.00.000.VIE.00.B10	Long đèn các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,92
76	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÚI CÁP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	8,00
77	8.90.20.009.VIE.00.B10	Dây đai an toàn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
78	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,00
79	8.34.84.002.VIE.00.B10	Thang nhôm xếp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
<b>IV</b>	<b>Điện lực Trảng Bom</b>				
1	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
2	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

3	3.02.20.879.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (11-12 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
4	3.02.20.884.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc ( 10-11 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
5	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
6	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
7	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
8	3.02.20.910.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
9	3.02.20.948.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (8- 9 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
10	3.02.20.949.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
11	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
12	3.06.30.169.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U160-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
13	3.06.30.710.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM L75X8-2000MM(3ỐP) LỆCH 2/3	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
14	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
15	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
16	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
17	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
18	3.06.50.910.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
19	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
20	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
21	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
22	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	462,00
23	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
24	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
25	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
26	3.10.94.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh cong 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

27	3.20.05.990.VIE.00.B10	NÓI ÉP NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	96,00
28	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
29	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NÓI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00
30	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
31	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
32	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
33	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
34	3.20.74.011.VIE.00.B10	BỘ CHẶNG LỆCH (HƯ, OSDĐ)	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
35	3.20.74.829.VIE.00.B10	Bộ neo chằng	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
36	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
37	3.20.80.002.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
38	3.20.80.120.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
39	3.30.22.001.VIE.00.B10	FCO (KHÔNG Có Cản) PHÉ LIỆU	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
40	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
41	3.42.05.630.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 24kV 630A 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
42	3.42.10.364.VIE.00.B10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
43	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
44	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,00
45	3.46.13.226.000.00.B10	MCB các loại PL	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
46	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
47	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
48	3.46.15.300.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 300A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
49	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
50	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

51	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	65,00
52	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
53	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
54	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
55	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
56	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
57	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.297,00
58	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
59	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	3.60.90.047.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha nhựa PC (trong nhà)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
61	3.60.90.152.VIE.00.B10	Hộp 2 công tơ 1 pha nhựa PC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
62	3.60.90.531.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 3P nhựa PC (ngoài trời)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
63	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
64	4.38.00.044.VIE.00.B10	Bu lông 14x100	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
66	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	135,00
67	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
68	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	276,00
69	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
70	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
71	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
72	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00
73	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
74	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00

75	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
76	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
77	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
78	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
79	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
80	4.90.51.090.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
81	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
82	8.34.04.000.VIE.00.B10	Pa-lăng thu hồi	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
83	8.34.84.002.VIE.00.B10	Thang nhôm xếp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
84	8.34.84.024.CHN.00.B10	Thang nhôm rút 3,8m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
85	8.90.20.017.TPE.00.B10	Dây quàng trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
86	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
87	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
88	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
89	5.38.00.115.VIE.00.B10	Bạc đạn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
90	3.20.60.094.VIE.00.A80	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm2 (5U)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	53,00
91	4.90.31.232.VIE.00.000	Ống gân xoắn HDPE ĐK230/175 dày 3mm	Mét	Hàng mới	9,50
<b>V</b>	<b>Điện lực Xuân Lộc</b>				
1	3.02.20.072.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,00
2	3.02.20.082.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
3	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
4	3.02.20.123.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 12m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
5	3.02.20.871.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (6-7 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
6	3.02.20.904.VIE.00.B10	TRỤ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

7	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
8	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
9	3.02.20.910.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
10	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
11	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
12	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
13	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.06.30.728.VIE.00.B10	Đà sắt V75x8x2600mm (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
15	3.06.40.500.VIE.00.B10	Thanh chống L50X710 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
16	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
17	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
18	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,33
19	2.71.00.000.VIE.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,98
20	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
21	2.76.81.005.000.00.B10	Dây chì các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,39
22	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,08
23	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
24	3.06.50.022.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 21	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
25	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
26	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
27	3.06.60.136.VIE.00.B10	Giá treo MBT 3x25kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
28	3.06.60.349.VIE.00.B10	Giá chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
29	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	126,00
30	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	365,00

31	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00
32	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
33	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
34	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
35	3.10.92.035.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 35KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	124,00
37	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
38	3.20.22.000.000.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.324,00
39	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
40	3.20.22.300.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00
41	3.20.22.428.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
42	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	111,00
43	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
44	3.20.22.976.VIE.00.B10	Kẹp AC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
45	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00
46	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00
47	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	359,00
48	3.20.31.015.VIE.00.B10	ÓC XIẾT CÁP THÉP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	418,00
49	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
50	3.20.31.912.VIE.00.B10	Kẹp yên ngựa F912	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
52	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
53	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
54	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00

55	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
56	3.20.80.002.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
57	3.20.80.759.000.00.B10	ĐẦU COSSE HẠ THỂ MBA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
58	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	117,00
59	3.30.22.000.000.00.B10	Cầu chì tự rơi ( FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
60	3.38.95.003.VIE.00.B10	CẦU DAO HẠ THỂ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
61	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
62	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
63	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	552,00
64	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	121,00
65	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
66	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
67	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
68	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
70	3.46.15.131.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
72	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
73	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
74	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
75	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
76	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
77	3.53.05.327.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
78	3.53.05.329.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

79	3.53.05.332.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
80	3.53.05.333.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 800/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
81	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
82	3.53.60.306.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
83	3.53.65.000.000.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
84	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
85	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
86	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
87	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/ $\sqrt{3}$ /110/ $\sqrt{3}$ V- 15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
88	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
89	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
90	3.60.05.019.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	162,00
91	3.60.25.010.VIE.00.B10	Điện kế 3P4D 10-20A 220/380V MV3E4	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
92	3.60.25.050.VIE.00.B10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
93	3.60.90.004.000.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
94	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
95	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
96	3.66.90.018.000.00.B10	Gương xe ô tô	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
97	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
98	4.38.00.036.VIE.00.B10	Bu lông 12x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
99	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
100	4.38.00.051.VIE.00.B10	Bu lông 16x30	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
101	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
102	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00

103	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	276,00
104	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	284,00
105	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	501,00
106	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
107	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
108	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
109	4.38.30.001.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
110	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
111	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00
112	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	200,00
113	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
114	4.70.21.016.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
115	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	109,00
116	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
117	4.90.21.060.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC tròn ĐK 60	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
118	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	93,00
119	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,50
120	4.90.51.060.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 60	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
121	4.90.51.090.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
122	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
123	4.90.57.006.VIE.00.B10	Co loi ĐK90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
124	4.90.57.007.VIE.00.B10	Co loi ĐK114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
125	4.94.40.232.000.00.B10	Drum máy in	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
126	4.94.70.010.VIE.00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

127	3.46.00.010.VIE.00.B10	HT Tủ Tủ Bù Hạ Thế (hư hỏng)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
128	3.62.96.003.ITA.00.B10	Tủ tụ bù hạ thế ứng động loại 3 cấp bù (không có tụ bù)	Tủ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
129	3.64.34.000.VIE.00.B10	Tủ bù thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
<b>VI</b>	<b>Điện lực Thống Nhất</b>				
1	3.02.20.008.VIE.00.B10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
2	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
3	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
4	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
5	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
6	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
7	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
8	3.02.20.907.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
10	3.02.20.910.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
11	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00
12	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
13	3.06.20.724.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
14	3.06.30.056.VIE.00.B10	Đà sắt U120 - 2000MM (tháp đầu trụ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
15	3.06.30.710.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM L75X8-2000MM(3ỐP) LỆCH 2/3	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
16	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00
17	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
18	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
19	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	139,00
20	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00

21	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
22	2.46.06.063.VIE.00.B10	Ống chằng lệch đk 60 x1,2m	Ống	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
23	2.46.06.064.VIE.00.B10	ống chằng lệch ĐK 60 X 1,5m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
24	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
25	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
26	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
27	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
28	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
29	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
30	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	104,00
31	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	341,00
32	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00
33	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
34	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	104,00
35	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.20.17.000.VIE.00.B10	Thanh đồng các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
37	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	493,00
38	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00
39	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
40	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
41	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	146,00
42	3.20.45.169.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn (Socket clevis)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	148,00
43	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	369,00
44	3.20.51.412.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00

45	3.20.51.495.VIE.00.B10	Móc treo cáp đơn ABC 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
46	3.20.53.003.VIE.00.B10	KỆP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	352,00
47	3.20.60.000.VIE.00.B10	KHÓA ĐỠ DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
48	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm <sup>2</sup> (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,00
49	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM <sup>2</sup> (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	216,00
50	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
51	3.20.74.060.VIE.00.B10	BỘ CHẰNG LỆCH D60-1200MM	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
52	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
53	3.20.80.050.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
54	3.20.80.095.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.20.80.120.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
56	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi ( FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
57	3.30.22.100.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
58	3.30.66.001.VIE.00.B10	Chi + DÂY Chi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	239,76
59	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
60	3.42.05.631.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
61	3.42.11.825.000.00.B10	Bộ truyền động DS 3pha 24kV-630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
62	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
63	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
64	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	181,00
65	3.46.10.040.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
66	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
67	3.46.14.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
68	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00

69	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
70	3.46.15.125.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
71	3.46.15.131.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
72	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
73	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
74	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
75	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9.087,00
76	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
77	3.60.25.050.VIE.00.B10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
78	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
79	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
80	3.62.96.002.ITA.00.B10	Tủ tụ bù hạ thế ứng động loại 2 cấp bù (không có tụ bù)	Tủ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
81	3.62.96.003.ITA.00.B10	Tủ tụ bù hạ thế ứng động loại 3 cấp bù (không có tụ bù)	Tủ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
82	3.62.97.822.VIE.00.B10	Tủ phân phối hạ thế sắt 1000x600x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
83	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
84	4.15.81.025.VIE.00.B10	La phòng thạch cao	M2	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,40
85	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	202,00
86	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
87	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	240,00
88	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00
89	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
90	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	81,00
91	4.38.30.001.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
92	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00

93	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
94	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
95	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
96	4.38.50.026.VIE.00.B10	Bu lông móc 14X300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
97	4.70.21.016.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00
98	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	961,00
99	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,00
100	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,60
101	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,30
102	4.90.31.044.000.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK110	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,40
103	4.90.51.000.VIE.00.B10	Co nhựa các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
104	4.90.80.015.VIE.00.B10	Móc nhựa ngừng cấp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
105	4.90.80.056.VIE.00.B10	Co sừng DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
106	4.90.80.085.VIE.00.B10	Khâu ven răng nhựa các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
107	4.94.80.085.000.00.B10	Máng xối tole PL	M2	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,20
108	4.94.80.110.VIE.00.B10	Dây+vòi xịt toilet	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
109	4.94.80.511.VIE.00.B10	Vòi lavabo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
110	4.94.80.535.VIE.00.B10	Vòi nước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
111	5.18.21.015.VIE.00.B10	Quạt dân nóng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
112	5.24.09.009.000.00.B10	PK xe FORD: Van điều tiết	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
113	5.38.51.094.000.00.B10	Kim phun nhiên liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
114	8.35.55.009.VIE.00.B10	Nắp đậy bồn cầu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
115	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
116	3.64.04.005.ITA.00.B10	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-5KVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00

117	3.64.14.010.ITA.00.B10	Tụ bù hạ thế 3 pha 415kV -10kVAr	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
118	3.64.14.910.ITA.00.B10	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V-10kVAr + thùng Inox + MCCB	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
119	3.64.14.920.ITA.00.B10	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V-20kVAr + thùng Inox + MCCB	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
<b>VII</b>	<b>Điện lực Long Thành</b>				
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,00
2	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	111,00
3	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
4	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
5	3.02.20.903.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
6	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	96,00
7	3.02.20.907.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
8	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
9	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
10	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
11	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
12	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
13	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
14	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
15	3.06.20.740.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 1700MM(2ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
16	3.06.30.109.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U100-2200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
17	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	158,00
18	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
19	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
20	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.065,50

21	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chầy các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	314,00
22	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phé liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,10
23	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
24	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
25	3.06.50.252.VIE.00.B10	Cổ dê ĐK 250	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
26	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
27	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
28	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
29	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	95,00
30	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
31	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	757,00
32	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	147,00
33	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
34	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	156,00
35	3.10.90.205.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 95-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	65,00
36	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	354,00
37	3.10.92.720.VIE.00.B10	CHÂN SỨ ĐÌNH 720MM (BỌC CHỈ )	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
38	3.10.92.810.VIE.00.B10	CHÂN SỨ ĐÌNH 810 MM BỌC CHỈ (ĐSD)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
39	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đình thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
40	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đình thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
41	3.10.93.600.VIE.00.B10	Ty sứ đình 600mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
42	3.10.93.650.VIE.00.B10	Ty sứ đình thẳng 650mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	202,00
43	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đình 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
44	3.20.17.000.VIE.00.B10	Thanh đồng các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	199,47

45	3.20.22.000.000.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
46	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.666,00
47	3.20.22.041.VIE.00.B10	Ốc xiết cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	202,00
48	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
49	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
50	3.20.22.300.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
52	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	164,00
53	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
54	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
55	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	207,00
56	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	209,00
57	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
58	3.20.31.015.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	183,00
59	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	154,00
60	3.20.32.095.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP DK 95MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	228,00
61	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
62	3.20.51.495.VIE.00.B10	Móc treo cáp đơn ABC 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
63	3.20.53.125.VIE.00.B10	Giáp niu dây cáp bọc 24kV +Yếm 240mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
64	3.20.53.195.VIE.00.B10	Giáp niu cáp ACX 95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
65	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	250,00
66	3.30.22.000.000.00.B10	Cầu chì tự rơi ( FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
67	3.30.22.002.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi ( LBFCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
68	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00

69	3.42.05.631.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
70	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
71	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	690,00
72	3.46.05.051.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
73	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,00
74	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	711,00
75	3.46.10.034.000.00.B10	CB Tép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	366,00
76	3.46.10.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
77	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
78	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
79	3.46.14.060.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 60A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
80	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
81	3.46.14.075.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
82	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
83	3.46.14.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
84	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
85	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
86	3.46.15.150.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
87	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
88	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
89	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
90	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
91	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
92	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	94,00

93	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
94	3.56.60.015.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
95	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
96	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
97	3.56.90.041.VIE.00.B10	TU cấp nguồn 1P 12.7/0.2KV -1KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
98	3.56.90.505.VIE.00.B10	MBA cấp nguồn 12700/220V 1000VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
99	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37.096,00
100	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
101	3.60.25.050.VIE.00.B10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
102	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
103	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
104	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIẢN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
105	3.75.02.090.VIE.00.B10	Dây điện tử các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
106	4.38.00.036.VIE.00.B10	Bu lông 12x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
107	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
108	4.38.00.047.VIE.00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
109	4.38.00.050.VIE.00.B10	Bu lông 14x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
110	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	397,00
111	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	733,00
112	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	768,00
113	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	326,00
114	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00
115	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	93,00
116	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00

117	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
118	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	296,00
119	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,00
120	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
121	4.82.80.050.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
122	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,00
123	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	67,70
124	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	93,40
125	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
126	4.94.60.020.000.00.B10	Switch các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
127	5.44.80.216.VIE.00.B10	ĐAI INOX 1M2 + KHÓA ĐAI	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
128	8.90.20.024.000.00.B10	Dây choàng trụ phế liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
129	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
130	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
131	3.64.04.005.000.00.B10	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-5KVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
132	3.64.04.205.VIE.00.B10	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-2,5kVAr	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
133	3.64.14.920.KOR.00.B10	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V-20kVAr + thùng Inox + MCCB	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
<b>VIII Điện lực Định Quán</b>					
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,00
2	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
3	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
4	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
5	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
6	3.02.20.871.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (6-7 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00

7	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
8	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
9	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
10	3.02.20.946.VIE.00.B10	Trụ bê tông 10,5m cắt góc (8 - 9 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
11	3.02.20.949.000.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
12	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
13	3.06.20.631.VIE.00.B10	Đà sắt L60 - 1660mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.06.20.635.VIE.00.B10	Đà sắt L63 - 1660mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
15	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
16	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
17	3.06.20.776.VIE.00.B10	Đà Sắt L70- 1660mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
18	3.06.30.162.000.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U160-1400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.06.30.208.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U200-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
20	3.06.30.219.VIE.00.B10	Đà U120x4,8x52x2800mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
21	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
22	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
23	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
24	3.06.40.408.VIE.00.B10	Thanh chống V40-1150mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
25	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
26	3.06.40.532.VIE.00.B10	Thanh chống V50x1132mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
27	3.06.40.584.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-600MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00
28	3.06.40.585.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-710MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
29	3.06.80.059.VIE.00.B10	Thanh nối sắt dẹt PL 50x5-650MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
30	3.06.80.092.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹt 60x6-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

31	3.53.05.000.000.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	43,00
32	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
33	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
34	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
35	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	461,00
36	3.60.05.022.VIE.00.B10	Điện kế 1P2D 20-80A 220V CV141 (box CU)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
37	3.60.25.050.VIE.00.B10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
38	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	588,50
39	2.46.06.114.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm ĐK 114mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
40	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chầy các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	158,00
41	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	353,75
42	3.06.50.022.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 21	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
43	3.06.50.042.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK42	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
44	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
45	3.06.50.140.VIE.00.B10	ÓP ỐNG ĐK 140, CỎ THANH NỐI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
46	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
47	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
48	3.06.60.075.VIE.00.B10	Giá treo MBT 3x75kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
49	3.06.60.080.VIE.00.B10	Giá L bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
50	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
51	3.06.60.610.VIE.00.B10	Giá đỡ cáp ngầm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
52	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
53	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
54	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	168,00

55	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	90,00
56	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
57	3.06.80.520.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5 -2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
58	3.06.80.530.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50x5-3000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
59	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	142,00
60	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
61	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
62	3.10.92.720.VIE.00.B10	CHÂN SỨ ĐÌNH 720MM (BỌC CHỈ )	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
63	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đình thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	95,00
64	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đình 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.10.94.870.VIE.00.B10	Ty sứ đình cong 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	132,00
66	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.612,00
67	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
68	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
69	3.20.22.430.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	203,00
70	3.20.22.459.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50-95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	121,00
71	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	198,00
72	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
73	3.20.31.092.000.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
74	3.20.31.098.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
75	3.20.32.050.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP DK 50MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
76	3.20.32.052.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	115,00
77	3.20.32.070.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP DK 70MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
78	3.20.32.071.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

79	3.20.32.096.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	285,00
80	3.20.50.005.VIE.00.B10	Móc treo giáp níu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
81	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
82	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	146,00
83	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
84	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	364,00
85	3.20.53.042.VIE.00.B10	KẸP GÓC ĐỔ DÂY 70 MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
86	3.20.53.110.VIE.00.B10	Giáp níu dây bọc 50mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	126,00
87	3.20.53.120.VIE.00.B10	Giáp níu dây ACX 120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
88	3.20.53.185.VIE.00.B10	Giáp níu dây ACX 185mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	243,00
89	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	224,00
90	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
91	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
92	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
93	3.20.74.015.VIE.00.B10	BỘ CHẰNG LỆCH D60*1M5	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
94	3.20.74.612.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,2M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
95	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	182,00
96	3.20.84.050.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
97	3.20.84.150.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng 150mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
98	3.20.92.300.VIE.00.B10	Ty neo 16x1600mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
99	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
100	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi ( FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
101	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	130,00
102	3.42.10.364.VIE.00.B10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

103	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
104	3.42.80.351.000.00.B10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
105	3.46.13.226.000.00.B10	MCB các loại PL	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.429,00
106	3.46.15.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
107	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
108	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
109	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
110	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
111	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
112	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
113	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
114	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	88,00
115	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
116	3.60.90.103.VIE.00.B10	Hộp 1 công-tơ 3 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
117	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
118	3.66.90.100.VIE.00.B10	Bơm xăng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
119	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
120	4.20.42.005.000.00.B10	Tole sóng vuông	M2	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	823,75
121	4.38.00.030.VIE.00.B10	Bu lông 12x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
122	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
123	4.38.00.047.VIE.00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
124	4.38.00.048.VIE.00.B10	Bu lông 14x250	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
125	4.38.00.049.VIE.00.B10	Bu lông 14x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
126	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	224,00

127	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
128	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	387,00
129	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	509,00
130	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	289,00
131	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
132	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00
133	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
134	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	171,00
135	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
136	4.38.50.004.VIE.00.B10	Bu lông móc 14X200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
137	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	306,00
138	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
139	4.70.21.016.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
140	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.146,00
141	4.82.80.050.VIE.00.B10	GIÁP NÚI CÁP NHÔM BQC 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
142	4.82.80.187.000.00.B10	Giáp nùi cho cỡ dây 120	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
143	4.84.04.004.VIE.00.B10	Khóa tay nắm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
144	4.84.24.000.VIE.00.B10	Bản lề	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
145	4.90.21.096.000.00.B10	Ống nhựa PVC các loại	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	186,00
146	4.90.31.040.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK100	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,50
147	4.90.31.044.000.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK110	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
148	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
149	4.90.80.043.VIE.00.B10	Khâu VRN ĐK 60	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
150	4.90.80.044.VIE.00.B10	Khâu VRN ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00

151	4.90.80.047.VIE.00.B10	Khâu VRT ĐK 60	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
152	4.90.80.048.VIE.00.B10	Khâu VRT ĐK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
153	4.90.80.090.000.00.B10	KHÂU VRN DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
154	4.90.80.114.000.00.B10	KHÂU VRT DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
155	4.90.80.650.VIE.00.B10	Ống nối giảm P114/P90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
156	5.20.00.003.000.00.B10	Bugì xe phế liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
157	5.30.03.031.VIE.00.B10	Quạt hút gió	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
158	8.90.20.013.VIE.00.B10	Ty leo trụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
159	8.90.30.001.USA.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
160	3.70.40.010.VIE.00.B10	BAKELIT CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
161	5.10.50.001.000.00.B10	Vỏ XE ÔTÔ THU HỒI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
162	8.90.10.006.000.00.B10	Sào tiếp địa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
163	8.90.10.955.USA.00.B10	sào đo chiều cao đường dây	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
164	8.90.40.200.000.00.B10	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
165	8.90.20.002.VIE.00.B10	Quần áo BHLĐ màu cam	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
166	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
167	8.90.20.090.VIE.00.B10	Dây quang trụ chính	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
168	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
<b>IX</b>	<b>Điện lực Long Khánh</b>				
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
2	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
3	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
4	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	51,00
5	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

6	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
7	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
8	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.02.20.949.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
10	3.06.20.615.VIE.00.B10	Đà L 63-1700MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	93,00
11	3.06.20.711.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	74,00
12	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
13	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
14	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
15	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
16	3.06.20.737.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
17	3.06.30.004.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00
18	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,00
19	3.06.40.502.VIE.00.B10	Thanh chống V 50x50x5-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
20	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	136,00
21	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
22	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,90
23	2.65.00.000.VIE.00.B10	Đồng phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,60
24	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cỗ dè các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
25	3.06.50.105.VIE.00.B10	Cỗ dè bắt rác trụ 10,5m-12m	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
26	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
27	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,50
28	3.06.50.910.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00
29	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

30	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
31	3.06.60.750.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
32	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,00
33	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
34	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	260,00
35	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	616,00
37	3.10.92.353.VIE.00.B10	CHAN SU DINH 15KV (HU)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
38	3.10.93.722.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
39	3.10.94.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh cong 630mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
40	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
41	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
42	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,00
43	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
44	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	146,00
45	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	239,00
46	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
47	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
48	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	53,00
49	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.366,00
50	3.20.31.095.000.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-50 mm <sup>2</sup> (2 Boulon)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	447,00
51	3.20.31.098.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	690,00
52	3.20.32.071.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	723,00
53	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00

54	3.20.51.002.VIE.00.B10	móc treo cáp đôi	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
55	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	229,00
56	3.20.53.031.VIE.00.B10	KẸP DÂY CHẰNG 5/8	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
57	3.20.53.110.VIE.00.B10	Giáp núu dây bọc 50mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
58	3.20.53.112.VIE.00.B10	Giáp núu dây bọc 95mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,00
59	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
60	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm2 (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
61	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
62	3.20.74.060.VIE.00.B10	BỘ CHẰNG LỆCH D60-1200MM	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
63	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	641,00
64	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	745,00
66	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
67	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
68	3.46.14.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
70	3.46.15.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
71	3.46.15.100.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.46.15.125.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
73	3.46.15.160.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
74	3.46.15.160.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
75	3.46.15.175.000.00.B10	áp-tô-mát 3 pha 175A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
76	3.46.15.200.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
77	3.46.15.200.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

78	3.46.15.200.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
79	3.46.15.250.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
80	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
81	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
82	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
83	3.46.15.400.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
84	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đục (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
85	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
86	3.53.05.327.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
87	3.53.05.328.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
88	3.53.05.331.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 500/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
89	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
90	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
91	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
92	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
93	3.60.25.050.VIE.00.B10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
94	3.80.88.376.VIE.00.B10	yếm cáp 5/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,00
95	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
96	4.38.00.047.VIE.00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	91,00
97	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	191,00
98	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	200,00
99	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	917,00
100	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	350,00
101	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

102	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
103	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
104	4.38.10.004.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
105	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00
106	4.38.50.007.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
107	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	105,00
108	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
109	4.70.21.016.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
110	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.825,00
111	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
112	4.82.80.070.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 70MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
113	4.82.80.213.VIE.00.B10	Giáp niu cấp nhôm AsXV 24kV- 120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	51,00
114	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
115	4.82.80.259.VIE.00.B10	Giáp niu cấp nhôm bọc 24kV- 150mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
116	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	375,91
117	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
118	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
119	3.60.90.045.VIE.00.B10	Thùng sắt các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,40
120	3.60.90.152.VIE.00.B10	Hộp 2 công tơ 1 pha nhựa PC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
121	3.60.90.504.VIE.00.B10	Hộp 4 công tơ 1P nhựa PC (ngoài trời)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	56,00
122	3.60.90.531.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 3P nhựa PC (ngoài trời)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
123	3.62.95.068.VIE.00.B10	Thùng trạm 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
124	3.62.96.003.ITA.00.B10	Tủ tụ bù hạ thế ứng động loại 3 cấp bù (không có tụ bù)	Tủ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
125	4.94.70.040.000.00.B10	Khung sắt (các loại)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00

126	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
127	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
128	3.38.01.060.VIE.00.B10	Cầu dao 1 pha 60A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
129	3.42.26.376.VIE.00.B10	LTD 1P 24KV 600A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
130	3.42.80.020.USA.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
<b>X</b>	<b>Điện lực Nhơn Trạch</b>				
1	3.02.20.005.VIE.00.B10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 5M	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
2	3.02.20.014.VIE.00.B10	Trụ BTLT 6M TH	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
3	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
4	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
5	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
6	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	118,00
7	3.02.20.700.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	51,00
8	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
9	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
10	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
11	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	311,00
12	3.02.20.910.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
13	3.02.50.084.VIE.00.B10	Trụ BTLT 14m - 650kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
15	3.06.20.415.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x5-2600mm-0 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
16	3.06.20.711.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
17	3.06.20.716.VIE.00.B10	Đà sắt L75X8X1600MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
18	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	53,00

19	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
20	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
21	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
22	3.06.20.746.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8-3000MM (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
23	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
24	3.06.30.710.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM L75X8-2000MM(3ỐP) LỆCH 2/3	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
25	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00
26	3.06.30.834.VIE.00.B10	Đà U120x52x4,8-2200mm (Tháp đầu trụ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
27	3.06.30.859.VIE.00.B10	Đà U160x5-2000 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
28	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
29	3.06.40.503.VIE.00.B10	Thanh chống V 50x50x5-1142MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
30	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	297,00
31	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
32	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9.369,30
33	2.46.06.063.VIE.00.B10	Ống chằng lệch đk 60 x1,2m	Ống	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
34	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	114,00
35	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
36	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	124,21
37	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dè các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
38	3.06.60.730.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3*37,5KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
39	3.06.60.750.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
40	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	288,00
41	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00
42	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

43	3.06.60.965.VIE.00.B10	BAT SẮT CHỮ T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
44	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	181,00
45	3.10.92.213.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	53,00
46	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	114,00
47	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
48	3.20.22.041.VIE.00.B10	Ốc xiết cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
49	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	183,00
50	3.20.22.151.VIE.00.B10	KỆP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.372,00
51	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00
52	3.20.22.428.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
53	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
54	3.20.22.430.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.20.22.431.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	45,00
56	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	45,00
57	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,00
58	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00
59	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	90,00
60	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	204,00
61	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
62	3.20.32.050.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP DK 50MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
63	3.20.45.169.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn (Socket clevis)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	81,00
64	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
65	3.20.50.018.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 18	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00
66	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00

67	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	852,00
68	3.20.60.050.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-95 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
69	3.20.61.052.VIE.00.B10	KHÓA NÉO 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
70	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
71	3.20.61.185.VIE.00.B10	KHÓA NÉO DÂY AC 185 MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	350,00
72	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	81,00
73	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
74	3.20.80.095.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
75	3.20.84.150.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng 150mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
76	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi ( FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
77	3.30.22.100.MEX.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27kV 100A Porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
78	3.30.22.100.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
79	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
80	3.42.26.376.VIE.00.B10	LTD 1P 24KV 600A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
81	3.42.26.630.USA.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
82	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
83	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
84	3.42.76.910.000.00.B10	MOTOR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
85	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
86	3.42.80.020.KOR.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
87	3.53.12.771.USA.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
88	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
89	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	183,00
90	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00

91	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
92	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	357,00
93	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
94	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
95	3.46.10.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
96	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
97	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
98	3.46.14.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
99	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
100	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
101	3.46.15.150.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
102	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
103	3.46.15.250.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
104	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
105	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
106	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
107	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
108	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
109	3.62.95.002.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
110	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
111	3.62.95.026.VIE.00.B10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
112	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
113	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00
114	4.38.00.034.VIE.00.B10	Bu lông 12x100	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	284,00

115	4.38.00.036.VIE.00.B10	Bu lông 12x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
116	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
117	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	415,00
118	4.38.00.057.VIE.00.B10	Bu lông 16x100	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
119	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	236,00
120	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	678,00
121	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	557,00
122	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
123	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
124	4.38.00.068.VIE.00.B10	Bu lông 16x450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
125	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	107,00
126	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	121,00
127	4.38.10.006.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
128	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	89,00
129	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
130	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	162,00
131	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
132	4.38.50.010.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
133	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
134	4.82.38.001.000.00.B10	Khớp nối	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
135	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
136	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
137	4.82.80.070.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 70MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
138	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00

139	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
140	4.84.04.011.000.00.B10	Ổ khóa cửa tròn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
141	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
142	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
143	4.90.31.035.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
144	4.90.31.046.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,90
145	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
146	8.90.90.050.VIE.00.B10	Bảng tiêu lệnh PCCC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
147	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	262,00
148	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
149	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
150	3.53.05.332.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
151	3.53.05.333.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 800/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
152	3.53.05.342.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 1500/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
153	3.53.05.710.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A 5VA CCX 0.5 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
154	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
155	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
156	3.53.65.149.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
157	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
158	3.53.65.750.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 30-60/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
159	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
160	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
161	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00
162	4.94.80.110.VIE.00.B10	Dây+vòi xịt toilet	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

163	4.94.80.510.VIE.00.B10	Dây cấp nước lavabo	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
164	4.94.80.511.VIE.00.B10	Vòi lavabo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
165	5.65.90.073.000.00.B10	Đầu dò nhiệt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
166	3.64.14.022.000.00.B10	Tụ bù hạ thế 20KVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
167	3.30.20.040.VIE.00.B10	CẦU CHỈ ỐNG 24KV 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
168	3.10.86.026.VIE.00.B10	SỨ ĐỨNG 24KV + TY SỨ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
<b>XI</b>	<b>Điện lực Trị An</b>				
1	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
2	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
3	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
4	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
5	3.02.20.907.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
6	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
7	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
8	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
9	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
10	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
11	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
12	3.53.05.000.000.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
13	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
14	3.53.65.000.000.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
15	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
16	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
17	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

18	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
19	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	662,00
20	3.06.40.904.VIE.00.B10	Thanh chống chằng lệch tròn DK60-1200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
21	3.06.80.907.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
22	3.06.80.908.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5-2500MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
23	3.06.35.010.VIE.00.B10	Sắt Potelet (L63) 2,0 mét	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
24	2.46.06.063.VIE.00.B10	Ống chằng lệch đk 60 x1,2m	Ống	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
25	2.46.06.064.VIE.00.B10	ống chằng lệch ĐK 60 X 1,5m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
26	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phé liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	299,71
27	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	56,00
28	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kv polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
29	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
30	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ÓNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
31	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
32	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
33	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
34	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	213,00
35	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
36	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
37	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	74,00
38	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
39	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
40	3.20.22.428.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	163,00
41	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,00

42	3.20.22.430.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	123,00
43	3.20.22.435.VIE.00.D10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x35mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	184,00
44	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
45	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
46	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
47	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm <sup>2</sup>	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	147,00
48	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
49	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
50	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.211,00
52	3.20.45.018.VIE.00.B10	MẮT NỐI ĐƠN 1-9	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
53	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00
54	3.20.50.959.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn 120kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
56	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	904,00
57	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
58	3.42.26.805.VIE.00.B10	ALTD 1P 24KV 630A ABC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
59	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
60	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
61	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
62	3.46.10.032.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
63	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	264,00
64	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
65	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00

66	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	98,00
67	3.46.14.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
68	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
69	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
70	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.46.15.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
73	3.46.15.160.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
74	3.46.15.200.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
75	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
76	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
77	3.46.15.630.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
78	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
79	3.62.95.002.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
80	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
81	3.62.95.011.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm giàn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
82	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
83	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	209,00
84	3.80.88.376.VIE.00.B10	yếm cáp 5/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
85	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	184,00
86	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
87	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
88	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	351,00
89	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	212,00

90	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
91	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
92	4.38.10.006.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
93	4.38.10.007.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
94	4.38.10.009.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x600	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
95	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	174,00
96	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
97	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
98	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
99	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,60
100	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
101	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
102	4.90.57.007.VIE.00.B10	Co loai ĐK114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
103	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
104	3.64.04.018.VIE.00.B10	Tụ bù hạ thế 1 pha 240V-5kVAr	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
105	3.64.04.205.VIE.00.B10	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-2,5kVAr	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
106	8.90.20.009.000.00.B10	Dây đai an toàn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
107	8.90.20.017.TPE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
108	3.20.53.023.VIE.00.000	KẸP BỔ TRỢ CẤP 2X25 MM2	Cái	Hàng mới	282,00
109	3.20.53.025.VIE.00.000	KẸP BỔ TRỢ CẤP 2X35 MM2	Cái	Hàng mới	100,00
<b>XII</b>	<b>Đội QL Điện Cẩm Mỹ</b>				
1	3.02.20.072.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
2	3.02.20.082.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
3	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00

4	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
5	3.02.20.123.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 12m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
6	3.02.20.924.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
7	3.02.20.926.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
8	3.02.20.927.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
9	3.06.20.664.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8-2000mm 4 ốp	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
10	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
11	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
12	3.06.30.759.VIE.00.B10	Đà sắt L75 - 1100mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
13	3.06.40.500.VIE.00.B10	Thanh chống L50X710 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
14	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,00
15	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	201,00
16	3.06.50.002.VIE.00.B10	ÓP THÙNG TRẠM TREO Đ/LỰC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
17	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00
18	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
19	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
20	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	182,00
21	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	100,00
22	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
23	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
24	3.10.88.001.000.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
25	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	91,00
26	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
27	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

28	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ định 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	51,00
29	3.10.94.630.VIE.00.B10	Ty sứ định cong 630mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
30	3.10.94.870.VIE.00.B10	Ty sứ định cong 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
31	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	97,00
32	3.20.22.151.VIE.00.B10	KỆP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	467,00
33	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
34	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
35	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
36	3.20.23.470.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X70 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
37	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	226,00
38	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
39	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,00
40	3.20.31.912.VIE.00.B10	Kẹp yên ngựa F912	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
41	3.20.32.070.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP THÉP DK 70MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	45,00
42	3.20.32.071.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	110,00
43	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	240,00
44	3.20.53.110.VIE.00.B10	Giáp núm dây bọc 50mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
45	3.20.53.114.VIE.00.B10	Giáp núm dây bọc 185mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
46	3.20.53.125.VIE.00.B10	Giáp núm dây cáp bọc 24kV +Yếm 240mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
47	3.20.53.126.VIE.00.B10	Giáp núm dây cáp bọc 24KV 150 mm2+yếm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
48	3.20.53.127.VIE.00.B10	Giáp núm dây cáp bọc 24KV 95 mm2+yếm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
49	3.20.53.129.VIE.00.B10	Giáp núm dây cáp bọc 24kV 120mm2 + yếm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
50	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	140,00
51	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm2 (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00

52	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00
53	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00
54	3.20.74.612.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,2M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
55	3.20.74.615.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,5M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
56	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.046,00
57	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
58	3.30.22.452.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 24KV 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
59	3.38.05.002.000.00.B10	Cầu dao 2P 250v 30A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
60	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
61	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
62	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
63	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	373,00
64	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	413,00
65	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
66	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
67	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
68	3.46.15.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
70	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	3.46.15.400.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.46.15.630.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
73	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện ( CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
74	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
75	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	764,00

76	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
77	3.60.90.046.VIE.00.B10	Thùng sắt đựng điện kế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
78	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
79	3.80.88.372.VIE.00.B10	Yếm thép mạ kẽm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	140,00
80	4.38.00.028.VIE.00.B10	Bu lông 12x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
81	4.38.00.045.VIE.00.B10	Bu lông 14x120	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
82	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
83	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	137,00
84	4.38.00.056.VIE.00.B10	Bu lông 16x80	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
85	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	338,00
86	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	314,00
87	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
88	4.38.10.001.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
89	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
90	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
91	4.38.10.006.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
92	4.38.10.007.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
93	4.38.10.008.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x550	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
94	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	269,00
95	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
96	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
97	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
98	4.82.80.070.VIE.00.B10	GIÁP NỨU CÁP NHÔM BỌC 70MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
99	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00

100	4.84.04.005.TPE.00.B10	Ổ khóa số 10 số (dạng nhấn)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,00
101	4.84.04.011.VIE.00.B10	Ổ khóa cửa tròn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
102	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	234,00
103	8.40.60.001.000.00.B10	Nhựa các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,30
104	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
105	8.90.20.023.VIE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
106	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
107	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
108	8.90.90.000.VIE.00.B10	Bình CO2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
109	8.90.90.066.CHN.00.B10	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
110	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
111	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chi niêm điện kế phé liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
<b>B</b>	<b>Cáp điện các loại</b>				
<b>I</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>				
1	3.15.28.404.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép dây ACSR 400/51	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	730,00
2	3.15.56.764.VIE.00.B10	Cáp điều khiển phé liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	318,00
3	3.15.56.829.000.00.B10	Cáp nhị thứ thu hồi các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,80
4	3.15.82.585.VIE.00.B10	Cáp Cu/XLPE/PVC 24KV 185MM2	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	90,00
5	3.80.42.000.VIE.00.B10	Cáp tín hiệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
6	3.80.42.151.000.00.B10	Cáp quang ADSS	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	500,00
7	3.80.42.542.VIE.00.B10	Cáp tín hiệu 4x2,5mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
8	3.15.28.243.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240/39mm2	Kg	Hàng mới	17,40
9	3.15.27.150.VIE.00.000	Cáp nhôm trần A 150mm2	Kg	Hàng mới	130,00
10	3.15.96.119.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm2	Mét	Hàng mới	76,00
<b>II</b>	<b>Điện lực Biên Hòa</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phé liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
2	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
3	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,07
4	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,60

5	3.15.42.040.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ áp 30/10	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,98
6	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,30
7	3.15.42.241.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,15
8	3.15.44.212.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x11mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,70
9	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,07
10	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	144,49
11	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,63
12	3.15.54.215.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,30
13	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,90
14	3.15.54.428.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,30
15	3.15.54.430.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3X22+1X11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,50
16	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,22
17	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	656,40
18	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	756,80
19	3.15.74.418.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn ABC 3x120 + 1x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,70
20	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,09
21	3.15.82.245.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,30
22	3.15.82.526.VIE.00.B10	Cáp Cu/XLPE/PVC 24KV 25MM <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,98
23	3.15.86.243.VIE.00.B10	Cáp Ngâm 24kv CXV(CRV) 3x240mm <sup>2</sup> , không bọc giáp	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5.075,10
24	3.15.86.246.VIE.00.B10	CÁP NGÂM 24KV CU/XLPE/DSTA/PVC 3X240MM <sup>2</sup>	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	163,64
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vụn lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.42.240.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	7,60
2	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,40
3	3.15.25.025.VIE.00.000	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	0,80
4	3.15.54.207.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	8,90
5	3.15.74.495.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	251,00
6	3.15.74.412.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	161,00
7	3.15.86.055.VIE.00.000	Cáp ngâm 24kv Cu/XLPE/Se/DSTA/PVC 3x50mm	Mét	Hàng mới	29,69
8	3.25.13.211.VIE.00.000	Cáp ngâm Cu/XLPE/DSTA/PVC 2X11mm <sup>2</sup> 0,6/1kV	Mét	Hàng mới	1,00
9	3.25.13.438.VIE.00.000	Cáp ngâm hạ thế CXV/DSTA 3x95+1x70-0.6/1KV	Mét	Hàng mới	5,90
10	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	151,06

11	3.15.74.150.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x150mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	55,60
12	3.15.42.050.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,80
13	3.15.42.070.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,00
14	3.25.13.440.VIE.00.000	Cáp ngầm 0,6/1kV Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x95+1x50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	8,00
15	3.15.86.249.VIE.00.000	Cáp ngầm 24kv Cu/XLPE/Se/DSTA/PVC 3x240mm	Mét	Hàng mới	1,35
16	3.15.62.216.VIE.00.000	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	151,00
<b>III</b>	<b>Điện lực Biên Hòa 2</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	0,50
2	3.15.27.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	222,30
3	3.15.27.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	112,90
4	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	100,59
5	3.15.42.026.000.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	55,47
6	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	229,46
7	3.15.52.426.VIE.00.B10	Cáp đồng hạ thế vặn xoắn ABC 4x25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	73,81
8	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> - 0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	27,78
9	3.15.54.430.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3X22+1X11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,40
10	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1.079,46
11	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1.037,03
12	3.15.60.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	420,10
13	3.15.60.097.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	12,00
14	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	46,34
15	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	225,82
16	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4.387,17
17	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4.935,09
18	3.15.74.436.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1kV 4x35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	53,78
19	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	597,57
20	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2.101,78
21	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,50
22	3.15.90.052.VIE.00.B10	Cáp AXV 24KV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
23	2.50.05.309.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,64
24	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00

25	3.15.96.122.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,50
26	3.15.96.241.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,50
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lữ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.28.050.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	0,16
2	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,00
3	3.15.42.150.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,21
4	3.15.42.185.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,40
5	3.15.42.200.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 200mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,80
6	3.15.42.240.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	23,65
7	3.15.54.422.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3X22+1X11mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,90
8	3.15.58.269.VIE.00.000	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x4 mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,00
9	3.15.74.450.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,56
10	3.15.74.412.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,00
11	3.15.82.070.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,00
12	3.15.82.702.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CXH 25mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,20
13	3.15.96.076.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,69
14	3.15.96.119.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	8,50
15	3.15.42.095.VIE.00.A80	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,78
<b>IV</b>	<b>Điện lực Trảng Bom</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
2	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	90,80
3	3.15.28.120.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 120/19 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,60
4	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
5	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> - 0.6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,00
6	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
7	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,50
8	3.15.54.430.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3X22+1X11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	115,00
9	3.15.56.764.000.00.B10	Cáp điều khiển phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,80
10	3.15.58.263.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x2.5mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,43
11	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	469,00
12	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00

13	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
14	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
15	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
16	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
17	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,10
18	3.15.82.245.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
19	3.15.96.151.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,97
20	3.15.96.186.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
21	3.15.96.247.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00
22	2.50.05.309.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
23	2.71.81.001.VIE.00.B10	Dây nhôm buộc sứ	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	413,70
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.44.207.VIE.00.000	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,25
2	3.15.42.150.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	9,05
3	3.15.42.025.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,20
4	3.15.42.185.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	15,40
5	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,30
6	3.15.42.240.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,30
7	3.15.41.050.VIE.00.000	Cáp thép TK 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	0,50
8	3.15.27.070.VIE.00.000	Cáp nhôm trần A 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	9,31
9	3.15.28.184.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185/24mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	6,10
10	3.15.28.240.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240/32mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	22,00
11	3.15.28.150.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 150/24 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	9,00
12	3.15.74.495.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,00
13	3.15.74.395.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	16,00
14	3.15.74.412.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	25,50
<b>V</b>	<b>Điện lực Xuân Lộc (R)</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,90
2	3.15.27.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,50
3	3.15.27.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.056,20
4	3.15.27.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	307,00

5	2.50.05.309.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,80
6	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.036,70
7	3.15.28.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,70
8	3.15.28.095.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.104,80
9	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,08
10	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	276,43
11	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
12	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,40
13	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,10
14	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	101,70
15	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	78,80
16	3.15.42.186.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	96,20
17	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm2-0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	591,00
18	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	838,80
19	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5.591,63
20	3.15.60.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6.577,60
21	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	215,20
22	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	656,50
23	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	264,70
24	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.104,10
25	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm2 - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,78
26	3.15.82.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,93
27	3.15.82.701.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CXH 25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,80
28	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,32
29	3.15.96.056.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	774,00
30	3.15.96.243.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,78
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.27.070.VIE.00.000	Cáp nhôm trần A 70mm2	Kg	Hàng mới	0,40
2	3.15.28.070.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm2	Kg	Hàng mới	0,40
3	3.15.28.095.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm2	Kg	Hàng mới	10,30
4	3.15.28.120.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 120/19mm2	Kg	Hàng mới	14,30

5	3.15.42.011.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,00
6	3.15.42.070.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,00
7	3.15.54.416.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x16+1x10mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	9,50
8	3.15.60.070.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	26,50
9	3.15.62.216.VIE.00.000	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	16,00
10	3.15.74.395.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,00
11	3.15.82.095.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,00
12	3.15.96.057.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,00
13	3.15.96.119.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,99
14	3.15.96.240.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	33,00
<b>VI</b>	<b>Điện lực Định Quán</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.10.404.VIE.00.B10	Cáp đồng mềm bọc 4x2.5mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,59
2	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,18
3	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	420,46
4	2.50.05.309.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,40
5	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10.071,98
6	3.15.28.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.687,90
7	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,90
8	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	255,61
9	3.15.42.028.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 14mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,20
10	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,93
11	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,10
12	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,15
13	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,80
14	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,35
15	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	78,30
16	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> - 0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	791,19
17	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,50
18	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,70
19	3.15.58.263.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x2.5mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,24

20	3.15.58.268.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x4 mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,99
21	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.906,34
22	3.15.60.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	414,00
23	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	139,90
24	3.15.74.121.VIE.00.B10	CÁP NHÔM BỌC VẶN XOẮN LV-ABC 1X120MM2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,60
25	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	564,80
26	3.15.74.396.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.548,10
27	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.164,40
28	3.15.74.419.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 1x70mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,92
29	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.637,20
30	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm2 - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,96
31	3.15.82.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 70mm2 thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,10
32	3.15.90.994.VIE.00.B10	CÁP AXV 24KV 185MM2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,60
33	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.391,02
34	3.15.96.122.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,63
35	3.15.96.241.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,90
36	3.15.96.247.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 240mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,40
<b>VII</b>	<b>Điện lực Long Khánh</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,60
2	2.50.05.509.VIE.00.B10	Cáp thép chằng5/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	117,40
3	3.13.11.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép hạ thế ACV 70 mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	250,60
4	3.13.11.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép hạ thế ACV 95 mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	990,20
5	3.15.27.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 35mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	143,70
6	3.15.27.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	148,60
7	3.15.27.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	828,40
8	3.15.28.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	128,60
9	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.429,10
10	3.15.28.095.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.392,10
11	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,10

12	3.15.42.017.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,80
13	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	148,00
14	3.15.42.040.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ áp 30/10	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,25
15	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,20
16	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	269,20
17	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	142,30
18	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	137,00
19	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,20
20	3.15.42.186.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
21	3.15.44.212.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x11mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,64
22	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,72
23	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	275,74
24	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,45
25	3.15.54.215.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,18
26	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,34
27	3.15.54.428.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,62
28	3.15.54.430.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3X22+1X11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	99,34
29	3.15.56.764.VIE.00.B10	Cáp điều khiển phé liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	79,76
30	3.15.60.036.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,70
31	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.709,50
32	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.104,50
33	3.15.60.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.030,60
34	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,31
35	3.15.74.313.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 3x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	723,10
36	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 3x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.922,90
37	3.15.74.396.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 3x95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,60
38	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00
39	3.15.74.436.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 4x35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
40	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.570,40
41	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,60
42	3.15.82.182.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CXV(CR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,60

43	3.15.82.245.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,90
44	3.15.90.994.VIE.00.B10	CÁP AXV 24KV 185MM2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
45	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
46	3.15.96.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5.612,60
47	3.15.96.122.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9.559,00
<b>VIII Điện lực Thống Nhất</b>					
<b>A Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>					
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,44
2	3.15.27.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,95
3	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	161,73
4	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4.294,69
5	3.15.28.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.397,53
6	3.15.28.095.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	842,70
7	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,96
8	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,10
9	3.15.42.040.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ áp 30/10	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,75
10	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,28
11	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,80
12	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,96
13	3.15.42.241.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,93
14	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm2 thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,81
15	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm2-0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	305,60
16	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,24
17	3.15.54.215.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x11mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,39
18	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,97
19	3.15.54.418.VIE.00.B10	Cáp điện kế Muller - (CVV)cáp3x16+1x10mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	97,69
20	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,83
21	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 3x50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	247,16
22	3.15.74.396.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 3x95mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	553,86
23	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 4x120mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	85,26
24	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0,6/1kV 4x50mm2	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	193,73

25	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,01
26	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,61
27	3.15.82.055.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 50mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,29
28	3.15.82.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,70
29	3.15.82.182.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CXV(CR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,40
30	3.15.82.701.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CXH 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,99
31	3.15.90.052.VIE.00.B10	Cáp AXV 24KV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	297,00
32	3.15.90.072.VIE.00.B10	CÁP AXV 24KV 70MM <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	153,00
33	3.15.90.986.VIE.00.B10	CÁP AXV 24KV 95MM <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6.247,90
34	3.15.96.122.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7.656,80
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vụn lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.82.724.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CXH 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,00
2	3.15.96.245.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	99,00
3	3.15.96.245.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,20
4	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	7,30
5	3.15.74.495.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,30
6	3.15.42.025.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,20
7	3.15.96.057.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	22,70
<b>IX</b>	<b>Điện lực Long Thành</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,03
2	3.15.27.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,87
3	3.15.27.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	595,68
4	3.15.28.001.VIE.00.B10	Cáp AC 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	393,50
5	3.15.28.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	220,40
6	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11.410,48
7	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,16
8	3.15.42.017.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,78
9	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,96
10	3.15.42.028.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 14mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,97
11	3.15.42.036.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

12	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	132,74
13	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	194,13
14	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	264,39
15	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	124,77
16	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,18
17	3.15.42.186.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,60
18	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	598,28
19	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,90
20	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,22
21	3.15.58.263.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x2.5mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,50
22	3.15.60.036.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	196,76
23	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4.840,18
24	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7.163,19
25	3.15.60.096.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.649,16
26	3.15.74.336.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn ABC 3x35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,20
27	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	342,00
28	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	917,80
29	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	463,80
30	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.036,03
31	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	138,80
32	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4.047,67
33	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,01
34	3.15.82.055.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,82
35	3.15.82.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 70mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,30
36	3.15.82.119.000.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
37	3.15.82.184.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,50
38	3.15.82.240.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,60
39	3.15.90.052.VIE.00.B10	Cáp AXV 24KV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	106,20
40	3.15.96.056.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	108,20
41	3.15.96.183.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,20

42	3.15.96.247.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	148,80
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lữ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.000	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	25,00
2	3.15.42.050.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,90
3	3.15.42.095.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,20
4	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	20,80
5	3.15.42.150.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,10
6	3.15.42.185.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,00
7	3.15.74.412.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	55,00
8	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	31,50
9	3.15.82.709.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CXH 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,10
10	3.15.96.057.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	118,50
<b>X</b>	<b>Điện lực Nhơn Trạch</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,48
2	3.15.28.095.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.289,93
3	3.15.28.184.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185/24mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20.726,50
4	3.15.28.835.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50/8mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.147,41
5	3.15.42.013.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,70
6	3.15.42.017.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,70
7	3.15.42.026.000.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,16
8	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	172,55
9	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,14
10	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,42
11	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,10
12	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	226,73
13	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
14	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0.6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,14
15	3.15.54.313.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,51
16	3.15.58.268.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x4 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,05
17	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,66
18	3.15.74.000.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,20

19	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	168,90
20	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9.208,93
21	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6.596,00
22	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.083,20
23	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.636,00
24	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	91,35
25	3.15.82.184.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	170,00
26	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	250,60
27	3.15.96.077.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,90
28	3.15.96.186.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.199,31
29	3.15.96.241.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,92
30	3.15.96.243.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,50
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lữ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.96.240.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,00
2	3.15.96.184.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	40,00
<b>XI</b>	<b>Điện lực Trị An</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phổ liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,10
2	3.15.28.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,46
3	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3.814,26
4	3.15.28.070.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,10
5	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,85
6	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,86
7	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	126,41
8	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,80
9	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	45,20
10	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,05
11	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	325,00
12	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,50
13	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	384,04
14	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,60
15	3.15.60.097.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,70

16	3.15.62.217.VIE.00.B10	Cáp duplex DuAV 2x16mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,50
17	3.15.74.336.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn ABC 3x35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	156,50
18	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	140,70
19	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.442,10
20	3.15.74.417.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5.861,40
21	3.15.74.436.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.712,50
22	3.15.74.451.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.924,20
23	3.15.74.471.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	623,60
24	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,70
25	3.15.82.029.VIE.00.D10	Cáp đồng bọc 24kV (CXV) 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	0,94
26	3.15.82.526.VIE.00.B10	Cáp Cu/XLPE/PVC 24KV 25MM <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,14
27	3.15.96.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,16
28	3.15.96.056.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	285,10
29	3.15.96.241.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,50
30	3.15.96.247.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,30
<b>B</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm vận lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.42.050.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,70
2	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,50
3	3.15.44.211.VIE.00.000	Cáp duplex DuCV 2x11mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,50
4	3.15.54.207.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	4,50
5	3.15.74.435.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x35mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	40,69
6	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	8,40
7	3.15.96.127.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	6,00
8	3.15.96.050.VIE.00.A80	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,58
<b>XII</b>	<b>Đội QL Điện Cẩm Mỹ</b>				
<b>A</b>	<b>Dây cáp đồng nhôm phế liệu</b>				
1	3.15.25.025.VIE.00.B10	Cáp đồng trần xoắn C25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,10
2	3.15.27.035.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần A 35mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
3	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	628,40
4	3.15.28.050.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4.100,09
5	3.15.28.185.VIE.00.B10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185/29 mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9.260,60
6	3.15.42.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00

7	3.15.42.051.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,50
8	3.15.42.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,40
9	3.15.42.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	43,00
10	3.15.42.121.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,60
11	3.15.42.151.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,50
12	3.15.42.700.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,50
13	3.15.44.270.VIE.00.B10	Cáp duplex DuCV 2x7mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,28
14	3.15.53.218.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc AVV 2x16mm <sup>2</sup> -0,6/1KV	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	71,00
15	3.15.54.209.VIE.00.B10	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,30
16	3.15.60.026.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 25mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
17	3.15.60.051.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	380,00
18	3.15.60.071.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.591,00
19	3.15.74.351.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	222,00
20	3.15.74.371.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.259,00
21	3.15.74.413.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,50
22	3.15.82.026.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,10
23	3.15.82.055.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm <sup>2</sup> - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
24	3.15.82.071.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 70mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,50
25	3.15.82.096.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
26	3.15.82.152.VIE.00.B10	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 150mm <sup>2</sup> thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,80
27	3.15.96.056.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	730,42
28	3.15.96.077.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
29	3.15.96.078.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	216,00
30	3.15.96.125.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	420,00
31	3.15.96.128.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 120mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
32	3.15.96.183.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXV 185mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
33	3.15.96.243.VIE.00.B10	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
<b>B</b>	<b>Đây cáp đồng nhôm vận lẻ, đoạn nhỏ ngắn không đạt yêu cầu kỹ thuật</b>				
1	3.15.28.050.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	2,69
2	3.15.28.070.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	11,10

3	3.15.28.095.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	11,10
4	3.15.28.835.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50/8mm <sup>2</sup>	Kg	Hàng mới	13,00
5	3.15.42.095.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,70
6	3.15.42.150.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	0,40
7	3.15.54.207.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x7mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	3,00
8	3.15.54.311.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x11+1x8mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	5,00
9	3.15.74.312.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,80
10	3.15.74.395.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	10,60
11	3.15.74.412.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	42,30
12	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	17,00
13	3.15.74.495.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	32,80
14	3.15.82.095.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	2,00
15	3.15.82.718.VIE.00.000	Cáp đồng bọc 24KV CXH 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	1,40
16	3.15.96.050.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24KV ACX(ACR) 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	50,00
17	3.15.96.057.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 50mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	81,08
18	3.15.96.076.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 70mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	23,00
19	3.15.96.127.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 120mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	25,90
20	3.15.96.184.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	20,77
21	3.15.96.185.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 185mm <sup>2</sup>	Mét	Hàng mới	40,00